

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-ST
Ngày: 23-10-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Ngọc X, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số 196, đường T, khu phố X, phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. *Đồng bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1972.

2.2. Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Số 103, đường M, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Ngọc X trình bày:

Ông X có mối quan hệ quen biết nên ông có cho ông T, bà L vay tiền. Vào năm 2017, vợ chồng bà L có vay tiền nhưng không có giấy tờ, vay rồi trả, chỉ có lần này vay rồi đến hạn không trả. Cụ thể: Vào ngày 28-12-2018, vợ chồng bà L vay của ông số tiền 42.500.000 đồng; có giấy nợ do ông viết, bà L trực tiếp nhận tiền và ký tên; không thỏa thuận lãi suất; hạn 07 ngày sau trả. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng bà L không thanh toán tiền lãi và tiền gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông X cầu bà L, ông T trả cho ông số tiền gốc 42.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 05-01-2019 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0.83%/tháng. Tại phiên tòa ông X thay đổi yêu cầu, ông chỉ yêu cầu bà L là người chịu trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho ông vì bà L là người ký tên nhận nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Bùi Thị L vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án không trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phan Ngọc X. Buộc bà Bùi Thị L có trách nhiệm trả cho ông X số tiền gốc là 42.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Thanh T, bà Bùi Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, ông T bà L phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật tố

tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp (bút lục số 26) thể hiện: Vào ngày 28-12-2018, bà Bùi Thị L có vay của ông Phan Ngọc X số tiền 42.500.000 đồng; có giấy nợ do ông X viết, bà L ký tên; hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất; thời hạn trả 07 ngày kể từ ngày vay tiền.

Căn cứ hợp đồng vay thì ông X chỉ cho bà L vay tiền và ông X cũng xác nhận bà L là người trực tiếp nhận tiền nên tại phiên tòa, ông X thay đổi yêu cầu ông chỉ yêu cầu bà Bùi Thị L có trách nhiệm trả cho ông số tiền trên.

[3] Xét thấy, giữa ông X với bà L có phát sinh quan hệ hợp đồng vay tiền, hợp đồng vay có thời hạn nhưng đến hạn bà L không thực hiện theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ và xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông X. Do đó, buộc bà L có trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của ông X là phù hợp.

Tiền lãi theo yêu cầu của ông X tính từ ngày 05-01-2019 cho đến ngày xét xử (23-10-2019) theo mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Tiền lãi được tính là 3.385.000 đồng (42.500.000 đồng x 0,83% x 9 tháng 18 ngày).

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với tình tiết và nội dung của vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; 466 và Điều 468; 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc X về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Bùi Thị L;

Buộc bà Bùi Thị L có trách nhiệm trả cho ông Phan Ngọc X số tiền nợ gốc 42.500.000 đồng và tiền lãi 3.385.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi 45.885.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị L phải chịu 2.294.000 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí;

Ông Phan Ngọc X không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho ông X số tiền tạm ứng đã nộp là 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007255 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS Tp Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm